

Bản án số: **573** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2020

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thế Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Tiến Lợi**

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 502/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị T**, sinh năm 1997 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Đội 1, thôn SĐ, xã TP, huyện CM, Tp. Hà Nội.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Đội 1, thôn SĐ, xã TP, huyện CM, Tp. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CM, Tp. Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T mãi chơi bời dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 8 năm 2020 chị mang con chuyển ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh

ngày 07/7/2014 và Nguyễn Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/01/2019. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm nhân viên tại Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Thăng Long thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T1: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 tại nơi cư trú theo đúng quy định nhưng anh T1 không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không cung cấp chứng cứ và trình bày quan điểm của bị đơn theo quy định.

*** Bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh T1 trình bày:** Hiện nay anh Nguyễn Văn T1 có hộ khẩu thường trú và cư trú cùng gia đình tại đội 1, thôn SĐ, xã TP, huyện CM. Anh T1 và chị T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CM. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh T1 chơi bời dẫn đến nợ nần nên chị T chuyển ra ngoài thuê nhà ở từ tháng 8 năm 2020. Nay chị T xin ly hôn anh T1 gia đình bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị T cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Vợ chồng T – T1 có 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh năm 2014 và Nguyễn Phạm Anh Đ, sinh năm 2019. Hiện tại cháu N đang ở với bà, cháu Đ đang ở với chị T. Về tài sản: Vợ chồng T – T1 không có tài sản chung.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh T1. Về con chung: chị xin được nuôi cả hai cháu N và cháu Đ, chị tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T1 vắng mặt nên không có ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 07/7/2014 và Nguyễn Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đang cư trú tại xã T P, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn T1 đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CM, Tp. Hà Nội nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị T, kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Theo chị T trình bày vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Trước yêu cầu của chị T xin ly hôn, anh T1 không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị T xin ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị T xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 07/7/2014 và Nguyễn Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/01/2019.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Xét thấy cháu N là con gái gần đủ 7 tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ; Cháu Đ dưới 36 tháng tuổi căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con....*”. Mặt khác, chị T có công việc và thu nhập ổn định. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con chung cần giao cả hai cháu N và Đ cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2.Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Bảo N, sinh ngày 07/7/2014 và Nguyễn Phạm Anh Đ, sinh ngày 04/01/2019 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 đến khi có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010280 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã TP, huyện CM, Tp. Hà Nội
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi

